TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số:39/2022/KDTM - PT.
Ngày : 25/3/2022
V/v: *Tranh chấp Hợp đồng mua bán*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: **Ông Hoàng Minh Thành**

Các Thẩm phán : **Bà Ngô Tuyết Băng**

Bà Lê Thúy Linh

Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội ghi biên bản phiên toà : Bà Dương Thị Huệ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Hoa – Kiểm sát viên

Ngày 24 và 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 11/2022/TLPT - KDTM ngày 17 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp: Hợp đồng mua bán.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 65/2021/ KDTM – ST ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận BĐ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 50/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Công ty TNHH VT
Trụ sở: Tầng 4, Tòa nhà TTC, số 19 DT, phường DVH, quận CG, TP Hà Nội
Đại diện theo pháp luật: Ông Jin Won S – Tổng giám đốc
Đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH V
Trụ sở: Phòng 2001, tầng 20, tòa tháp L 13, số 164 KDT, phường NC, quận TX, TP Hà Nội
Đại diện tham gia tố tụng: Ông Vũ Trọng H (SN 1978) - Giám đốc Công ty Luật TNHH V
- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Minh T (SN 1985) – Chủ hộ kinh doanh thẩm mỹ quốc tế B
Địa chỉ: Số 463 KM, phường NK , quận BĐ , Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Văn H – Sinh năm 1972
Địa chỉ: Tổ 38, cụm 6, phường PT, quận TH, Hà Nội
(Tại phiên tòa có mặt ông Vũ Trọng H, bà Nguyễn Thị Minh T , ông Phạm Văn H)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn là Công ty cổ phần TNHH VT do ông Ngô Trọng H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty TNHH VT (sau đây gọi tắt là Công ty VT) và Hộ kinh doanh thẩm mỹ quốc tế B (sau đây gọi tắt là Thẩm mỹ B) có ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa số 2018/VVN-04/HĐMB ngày 10/02/2018 với nội dung:

Bên A (Hộ kinh doanh thẩm mỹ quốc tế B) và bên B (Công ty VT) ký kết Hợp đồng mua bán liên quan đến thiết bị y tế trong điều 1 (được liệt kê bên dưới):

- Tên thiết bị : Máy chụp cắt lớp 3 trong 1

- Model: PHT-65 LHS Brand name: Green 16; Xuất xứ: VT K ; số lượng 01 máy; Giá: 1.704.750.000 đồng; giá này báo gồm cả 5% VAT và bao gồm chi phí vận chuyển, bảo hành.

Thực hiện Hợp đồng mua bán trên, Công ty VT đã bàn giao và lắp đặt máy vào ngày 12/6/2018 cho Thẩm mỹ B , khi bên nguyên đơn bàn giao và lắp máy hai bên có lập biên bản. Theo thỏa thuận trong hợp đồng Thẩm mỹ B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty VT làm 03 đợt:

- Đợt 1: Đặt cọc 340.950.000 đồng vào ngày ký hợp đồng (ngày 10/02/2018)

- Đợt 2: Thanh toán 511.425.000 đồng khi Công ty VT lắp đặt và bàn giao

- Đợt 3: Thanh toán 852.375.000 đồng trong vòng 18 tháng kể từ ngày bàn giao thiết bị.

Thẩm mỹ B đã thanh toán cho Công ty VT số tiền là 340.950.000 đồng vào ngày 12/02/2018 và số tiền 511.425.000 đồng vào ngày 17/8/2018, số tiền 852.375.000 đồng Thẩm mỹ B phải thanh toán 12/12/2019, nhưng đã quá hạn mà không thanh toán, mặc dù đã được Công ty VT yêu cầu thanh toán nhiều lần.

Tại điều 3 của hợp đồng quy định trách nhiệm của hai bên:

"Trách nhiệm của bên A: Thanh toán đúng thời hạn theo quy định trong Hợp đồng, quá thời hạn mà chưa thanh toán, bên A sẽ trả thêm cho bên B phần lãi

suất do trả chậm tính theo lãi suất cho vay kỳ hạn 3 tháng (tại thời điểm tính lãi) của ngân hàng ngoại thương Việt Nam tính từ ngày quá thời hạn thanh toán theo quy định tại hợp đồng đến ngày trả tiền".

Với thỏa thuận trên, nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán trả cho nguyên đơn các khoản tiền sau:

- Số tiền nợ gốc chưa thanh toán: 852.375.000 đồng;

- Số tiền lãi quá hạn theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng: Căn cứ tính lãi suất là do nguyên đơn lấy trên Website của Vietcom bank tại thời điểm nguyên đơn làm đơn khởi kiện là 1,41%/tháng ; Thời hạn tính lãi từ ngày Thẩm mỹ B chậm thanh toán (ngày 12/12/2019) tạm tính đến ngày 12/9/2021 là 21 tháng là: 852.375.000 đồng x 1,41%/tháng x 21 tháng = 252.388.237 đồng.

Như vậy: Tổng số tiền nợ gốc và lãi do chậm thanh toán mà Hộ kinh doanh thẩm mỹ B phải trả cho Công ty VT là: 852.375.000 + 252.388.237 = 1.104.763.237 đồng.

- Nguyên đơn lý giải về việc bị đơn trình bày là nguyên đơn chưa cung cấp đầy đủ chứng từ chứng nhận xuất xứ và kiểm tra chất lượng, hóa đơn trong vòng 01 tháng sau khi giao thiết bị là không đúng, nguyên đơn khẳng định đã bàn giao đầy đủ giấy tờ xuất xứ hàng hóa nhưng không lập biên bản do trong Hợp đồng không quy định, mặt khác theo yêu cầu của bị đơn nguyên đơn cũng đã giao tiếp cho bị đơn 01 bộ giấy tờ nữa vào ngày 30/6/2021.

- Việc bị đơn trình bày đã nhiều lần gọi điện thúc giục nguyên đơn bàn giao các giấy tờ liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa, vậy đề nghị bị đơn xuất trình tài liệu chứng minh.

- Sau khi nguyên đơn bàn giao hàng hóa cho bị đơn, bị đơn đã sử dụng máy để chụp chiếu cho hàng trăm khách hàng và dữ liệu vẫn được lưu trong máy tính, điều này được thể hiện tại buổi giám định, khi giám định viên giám định máy, nhân viên kỹ thuật của nguyên đơn đã mở ra cho giám định viên xem, mọi người có mặt tại buổi giám định chứng kiến. Ngoài ra bị đơn không có yêu cầu nào khác đối với nguyên đơn kể từ nhận máy cho đến khi nguyên đơn khởi kiện thể hiện ở chỗ bị đơn đã thanh toán ½ tiền cho nguyên đơn, số tiền còn lại bị đơn đã ký xác nhận công nợ, khẳng định còn nợ nguyên đơn số tiền 852.375.000 đồng. Như vậy đến thời điểm khởi kiện nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu liên quan đến nghĩa vụ của nguyên đơn trong hợp đồng. Theo điều kiện hai bên đã thỏa thuận tại hợp đồng, nguyên đơn

phải có nghĩa vụ cung cấp giấy tờ hàng hóa xuất xứ cho bị đơn, tại buổi làm việc ngày 30/9/2021, nguyên đơn đã hoàn tất các nghĩa vụ này với bị đơn và tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng mua bán.

- Đối với vấn đề giám định, nguyên đơn khẳng định các nội dung giám định không liên quan gì đến quan hệ tranh chấp mà nguyên đơn khởi kiện. Vì nguyên đơn khởi kiện đòi thanh toán khoản nợ theo xác nhận công nợ mà bị đơn đã ký. Tại chứng thư giám định, cơ quan giám định không đưa ra kết luận giám định liên quan điến các yêu cầu giám định của bị đơn, tuy nhiên nguyên đơn không đề nghị giám định lại do không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn đưa ra phương án hòa giải: Nếu bị đơn trả toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại thì nguyên đơn sẽ miễn số tiền lãi cho bị đơn 01 năm.

- Nguyên đơn không có ý kiến đối với trình bày của bị đơn đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu Hợp đồng mua bán hàng hóa số 2018/VVN-04/HĐMB ngày 10 tháng 02 năm 2018 và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là trả lãi.

*** Tại phiên Tòa:** Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc Hộ kinh doanh thẩm mỹ B phải trả cho Công ty VT số tiền chưa thanh toán theo Hợp đồng mua bán số 2018/VVN-04/HĐMB ngày 10/02/2018 là: 852.375.000 đồng. Ngoài ra yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi do chậm thanh toán kể từ ngày 12/12/2019 (Thời điểm bị đơn phải thanh toán số tiền còn lại cho nguyên đơn) tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay (ngày 18/10/2021). Nguyên đơn có thay đổi về căn cứ tính lãi suất như sau:

Trên Webside của Ngân hàng ngoại thương Việt Nam tại thời điểm xét xử ngày hôm nay thì lãi suất cho vay 3 tháng của ngân hàng ngoại thương Việt Nam được công bố là 3,4%/tháng. Nguyên đơn tạm tính và làm tròn kể từ ngày 12/12/2019 đến ngày 12/10/2021 là 22 tháng:

852.375.000 đồng x3,41% /tháng x 22 tháng = 647.576.500 đồng.

Như vậy tổng cả gốc và lãi là: 852.375.000 đồng + 647.576.500 đồng = 1.489.951.500 đồng.

- Nguyên đơn cho rằng Tòa án thụ lý quan hệ: "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa" là không đúng, vì nội dung khởi kiện của nguyên đơn là "Đòi nợ" do bị đơn đã có 2 văn bản xác nhận với nguyên đơn là còn nợ số tiền 852.375.000

đồng, văn bản này do bà Trang là đại diện hộ kinh doanh ký, như vậy giữa bị đơn và nguyên đơn đã đối chiếu công nợ với nhau.

- Nguyên đơn lý giải về việc nguyên đơn bàn giao lắp đặt máy cho bị đơn là do 2 bên thỏa thuận trao đổi bằng miệng nên việc giao giấy tờ hàng hóa cũng chỉ bằng miệng, còn biên bản kiểm tra lắp đặt máy ngày 12/6/2018 là do nguyên đơn tự lập và ký.

* Đối với hàng hóa là máy chụp cắt lớp 3 trong 1 mà nguyên đơn đã bán và lắp đặt bàn giao cho bị đơn cũng như hồ sơ hải quan về xuất xứ, tiêu chuẩn hàng hóa nguyên đơn lý giải như sau:

- Công ty VT là công ty con thuộc sở hữu của Công ty TNHH VT K CO.LTD. Phương thức hoạt động của công TNHH VT là hoạt động và hạch toán độc lập với Công ty TNHH VT K CO.LTD. Công ty VT được kinh doanh trong lĩnh vực mua bán thiết bị y tế nhập khẩu, điều này đã được thể hiện trong hồ sơ nộp Tòa án.

- Công ty Samsun VINA là Công ty có giấy phép nhập khẩu trang thiết bị y tế được Bộ Y tế cấp.

- Công ty VT K đã giao cho Công ty Samsun VINA Máy chụp cắt lớp 3 trong 1; Model: PHT-65 LHS; Brand name: Green 16; Xuất xứ: VT - HÀN QUỐC của Công ty TNHH VT thông qua cửa khẩu Hải quan Sân bay Nội bài (bộ hồ sơ hải quan số 101910462841/A41 ngày 20/3/2018).

- Ngày 10/02/2018, nguyên đơn ký hợp đồng mua bán hàng hóa 2018/VVN-04/HĐMB với bị đơn. Nguyên đơn đã mua lại hàng hóa trên của Công ty Samsun VINA theo Hợp đồng mua bán số DL-0218/02-VVT-HĐMB ngày 15/02/2018. Công ty Samsun VINA đã bàn giao hàng hóa máy chụp cắt lớp 3 trong 1 cho Công ty VT vào ngày 16/02/2018. Trước khi mua hàng của Công ty Samsun VINA, nguyên đơn đã kiểm tra hàng hóa, giấy tờ hóa đơn, chính xác thì nguyên đơn mới mua. Nguyên đơn khẳng định hồ sơ Hải quan của hàng hóa là máy chụp cắt lớp đã bán và lắp đặt cho bị đơn là hoàn toàn phù hợp với hồ sơ hải quan mà nguyên đơn đã xuất trình cho Tòa án và giao tiếp cho bị đơn vào ngày 30/6/2021 là đầy đủ và hợp pháp.

- Nguyên đơn cũng đã thực hiện lắp đặt máy cũng như bàn giao các giấy tờ về nguồn gốc, chất lượng hàng hóa, hồ sơ thông quan,… Hàng hóa nguyên đơn đã bàn giao lắp đặt cho bị đơn là mới 100%. Việc hồ sơ Hải quan ghi sản xuất năm 2018 nhưng nhãn mắc trên thân máy ghi 2017-10 thì vẫn là máy mới 100 %. Bị

đơn cũng đã đưa máy vào sử dụng. Như vậy nguyên đơn đã thực hiện đúng trách nhiệm của bên bán theo Hợp đồng mua bán. Mặt khác, trong hợp đồng mua bán hàng hóa chỉ quy định là nguyên đơn bán cho bị đơn: Máy chụp cắt lớp 3 trong 1; Model: PHT-65 LHS Brand name: Green 16; Xuất xứ: VT K , nguyên đơn đã giao đúng như vậy.

- Việc bị đơn đề nghị trưng cầu giám định và kết quả trưng cầu giám định không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,vì nguyên đơn không tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa mà là chỉ yêu cầu đòi nợ.

- Nguyên đơn không đồng ý về việc bị đơn đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu Hợp đồng mua bán, do đây là yêu cầu phản tố phải được Tòa án giải quyết thụ lý theo quy định tại điều 200 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của Hộ kinh doanh thẩm mỹ quốc tế B do Bà Nguyễn Thị Minh T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Hộ kinh doanh thẩm mỹ quốc tế B (sau đây gọi tắt là Thẩm mỹ B) xác nhận có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số 2018/VVN-04/HĐMB ngày 10 /02/2018 với Công ty TNHH VT (sau đây gọi tắt là Công ty VT) với nội dung: Công ty VT bán cho Thẩm mỹ B 01 máy chụp cắt lớp 3 trong 1; Model PHT-65 LHS, hiệu Green 16, Xuất xứ: VT – HÀN QUỐC với giá: 1.704.750.000 đồng (đã bao gồm VAT).

Mục đích Thẩm mỹ B mua máy chụp cắt lớp trên là để Thẩm mỹ quốc tế B hợp tác với bác sỹ để làm phòng Nha B tại Tầng 5-6 nhà 463 KM, phường NK , quận BĐ , thành phố Hà Nội.

Thực hiện Hợp đồng mua bán trên, ngày 23/6/2018, Công ty VT đã bàn giao và lắp đặt máy cho Thẩm mỹ B , tuy nhiên nguyên đơn không có thông báo gì cho bị đơn biết, mặc dù lúc đó đại diện hộ kinh doanh Thẩm mỹ B là bà Trang đang nghỉ ốm, nhưng vẫn tạo điều kiện để cho bên nguyên đơn đến lắp đặt máy chụp cắt lớp 3 trong 1 tại địa chỉ của Thẩm mỹ B : Tầng 5-6 Tòa nhà 463 KM, phường NK , quận BĐ , thành phố Hà Nội, nên việc bàn giao chỉ có mỗi phía nguyên đơn đến lắp đặt và tự làm biên bản lắp đặt mà không có bị đơn xác nhận, mặt khác bị đơn nghĩ hai bên sẽ có một buổi bàn giao giấy tờ và hướng dẫn sử dụng máy theo quy định tại điểm b khoản 3 của Hợp đồng mua bán, nên bị đơn cũng tạo điều kiện cho nguyên đơn lắp đặt máy. Bên cạnh đó, do nguyên đơn có nói với bị đơn cứ đưa máy vào sử dụng trước và sẽ thực thiện bàn giao và cho chuyên gia Hàn Quốc đến để hướng

dẫn sử dụng máy sau, nhưng sau đó cũng không có chuyên gia đến hướng dẫn và không có việc bàn giao giấy tờ cho bị đơn, mặc dù theo quy định tại hợp đồng mua bán, kể từ ngày lắp đặt thiết bị trong thời hạn 01 tháng, nguyên đơn phải bàn giao giấy tờ cho bị đơn. Bị đơn khẳng định không nhận được bất cứ giấy tờ bàn giao gì từ phía nguyên đơn, cho dù bị đơn đã nhiều lần thúc giục bằng phương thức gọi điện cho nguyên đơn yêu cầu bàn giao giấy tờ, nhưng bên nguyên đơn không thực hiện.Việc này được chứng minh bằng việc ngày 30/6/2021, nguyên đơn mới bàn giao các giấy tờ nêu trên cho bị đơn tại Tòa án.

Trong quá trình sử dụng thì bác sỹ chuyên môn của phòng Nha B mới đưa máy chụp cắt lớp 3 trong 1; Model PHT-65 LHS vào kiểm tra để tiến hành hoạt động thì mới phát hiện phía nguyên đơn đã giao cho bị đơn không đúng mặt hàng mà hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán, cụ thể:

Tại Điều 1 của Hợp đồng mua bán số 2018/VVN- 04/HĐMB ngày 10/02/2018 có quy định chi tiết về thiết bị y tế và giá cả mặt hàng mà hai bên mua bán:

- Máy chụp cắt lớp 3 trong 1; Model: PHT-65 LHS
  Brand name: Green 16; Xuất xứ: VT - HÀN QUỐC.

Tuy nhiên, qua kiểm tra thực tế thể hiện:

+ Đầu máy: ghi nhãn hiệu Product name: X- RAY GENERATOR

MODEl: DG 07-07 E 22 T2

Date: 2017-10

+ Thân máy: ghi nhãn hiệu Green 16; Xuất xứ: VT - HÀN QUỐC.
Product: Computed Tomography X-ray Sytem

Nguyên đơn nghi ngờ và cho rằng: VT đã giao máy không đồng bộ, sai mẫu mã. Vi phạm Điều 1 và điểm b - Điều 3 của Hợp đồng là "Đảm bảo cung cấp hàng mới 100%, đúng mẫu mã, số lượng và chất lượng", không cung cấp đầy đủ chứng từ chứng nhận xuất xứ và kiểm tra chất lượng, hóa đơn trong vòng 01 tháng sau khi giao thiết bị theo như thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán.

- Đến thời điểm Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, VT vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ này đối với B . Vì đây là máy móc, thiết bị y tế, nên B yêu cầu VT phải cung cấp đầy đủ hồ sơ pháp lý của máy cũng như thủ tục nhập khẩu máy, thì B mới đăng ký sử dụng hành nghề được theo đúng quy định của Bộ Y tế Việt Nam và pháp luật Việt Nam.

- Về phía bị đơn đã thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng mua bán, cụ thể: bị đơn đã thanh toán 50% giá trị Hợp đồng cho VT là: 852.375.000 đồng, thanh toán thành 2 đợt. Đợt 1: Đặt cọc 340.950.000 đồng vào ngày ký hợp đồng (ngày 10/02/2018); Đợt 2: Thanh toán 511.425.000 đồng khi Công ty VT lắp đặt và bàn giao. Số tiền còn lại chưa thanh toán là: 852.375.000 đồng.

Bị đơn lý giải về việc nguyên đơn cho rằng bị đơn đã sử dụng máy chụp cắt lớp 3 trong 1 và không có thắc mắc gì là do bị đơn đã thanh toán 50% giá trị hợp đồng và có nhu cầu đưa máy móc vào sử dụng, vì vậy kỹ thuật viên phía bị đơn tự tìm hiểu để sử dụng máy móc và đồng thời để test máy. Nguyên đơn muốn bị đơn phải thanh toán hết số tiền còn lại của hợp đồng mua bán nên đã không giao các giấy tờ liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ của máy, vì thế bị đơn không thể làm các thủ tục đăng ký sử dụng máy móc được.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý vì nguyên đơn đã cung cấp hàng hóa không đúng theo Hợp đồng, không bàn giao đủ các giấy tờ nguồn gốc máy móc và chứng từ chứng minh xuất xứ hàng hóa theo như cam kết trong Hợp đồng mua bán. Từ việc không cũng cấp đủ các giấy tờ cũng như giao không đúng hàng hóa dẫn đến việc bị đơn chưa làm được thủ tục kê khai, cấp phép đưa máy vào sử dụng. Bị đơn đề nghị Tòa án buộc nguyên đơn phải tiến hành hoàn tất các thủ tục bàn giao giấy tờ về nguồn gốc, chất lượng hàng hóa theo như quy định tại Hợp đồng mua bán số 2018/VVN-04/HĐMB ngày 10/02/2018. Trường hợp nguyên đơn không cung cấp được các giấy tờ hóa đơn chứng từ về hàng hóa và giao lại đúng mặt hàng như hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán thì bị đơn sẽ trả lại hàng và yêu cầu nguyên đơn trả lại số tiền đã nhận của bị đơn đã thanh toán trả cho nguyên đơn là: 852.375.000 đồng .

Trong quá trình giải quyết vụ án, trên kết quả giám định theo quyết định trưng cầu giám định của Tòa án, đối chiếu với chứng từ nguyên đơn cung cấp cho thấy hàng hóa nguyên đơn bán cho bị đơn không trùng khớp, không rõ xuất xứ, hàng hóa không có giấy tờ hợp lệ đúng theo quy định trong Hợp đồng mua bán. Bị đơn cho rằng nguyên đơn có dấu hiệu gian dối, nên đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng mua bán giữa nguyên đơn và bị đơn vô hiệu do bị lừa dối và giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu.

Vì lỗi dẫn đến Hợp đồng vô hiệu là do nguyên đơn, nên bị đơn đề nghị tính lãi đối với số tiền mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 3 của

Hợp đồng mua bán. Căn cứ tính lãi cũng theo như cách tính của nguyên đơn là theo mức lãi suất cho vay quá hạn của Ngân hàng Vietcombank tại thời điểm Tòa án xét xử.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 65/2021/KDTM-ST ngày 18/10/2021 của Tòa án nhân dân quận BĐ đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH VT đối với Hộ kinh doanh thẩm mỹ quốc tế B về yêu cầu thanh toán tiền theo Hợp đồng mua bán số 2018/VVN-04/HĐMB ngày 10/02/2018 giữa Công ty TNHH VT và Hộ kinh doanh thẩm mỹ quốc tế B .

2. Tuyên Hợp đồng mua bán số 2018/VVN-04/HĐMB ngày 10/02/2018 giữa Công ty TNHH VT và Hộ kinh doanh thẩm mỹ quốc tế B vô hiệu.

3. Buộc Hộ kinh doanh thẩm mỹ quốc tế B phải trả lại cho Công ty TNHH VT: 01 máy chụp cắt lớp 3 trong 1; Model PHT-65 LHS, hiệu Green 16, Xuất xứ: VT – HÀN QUỐC, hiện đang lắp đặt tại trụ sở chính của Hộ kinh doanh thẩm mỹ quốc tế B : Tầng 5 - 6 nhà số 463 KM, phường NK , quận BĐ , thành phố Hà Nội.

4. Buộc Công ty TNHH VT phải thanh toán trả cho Hộ kinh doanh thẩm mỹ quốc tế B số tiền hàng mà Hộ kinh doanh thẩm mỹ quốc tế B đã thanh toán trả cho Công ty TNHH VT là: 852.375.000 đồng (Tám trăm năm mươi hai nghìn ba trăm bảy năm đồng) và tiền bồi thường thiệt hại là: 283.414.688 đồng (Hai trăm tám mươi ba triệu bốn trăm mười bốn nghìn sáu trăm tám tám đồng). Tổng cộng là 1.135.789.688 đồng (Một tỷ một trăm ba mươi năm triệu bảy trăm tám chín nghìn sáu trăm tám tám đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 28/10/2021, nguyên đơn là Công ty TNHH VT đã có đơn kháng cáo với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng mua bán là không đúng vì đây là quan hệ đòi nợ. Về nội dung: nguyên đơn đã giao máy đúng như thỏa thuận nhưng bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi cho đến ngày xét xử phúc thẩm.

Ngày 02/11/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận BĐ đã kháng nghị bản án đề nghị hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm với lý do: Tòa án sơ thẩm đã nhận định yêu cầu của bị đơn không phải là yêu cầu phản tố là không đúng. Tòa án sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố nhưng lại chấp nhận yêu của bị đơn là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, vi phạm nghiêm trọng về phạm vi giải

quyết của Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã tự đánh giá máy chụp cắt lớp là chưa đồng bộ, không đảm bảo chất lượng là không phù hợp với bản chất của vụ việc dẫn đến bản án, quyết định không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Việc tính án phí của Tòa án cấp sơ thẩm là không đúng theo quy định ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách Nhà nước.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên kháng cáo và đưa ra phương án hòa giải là nhận lại máy từ bị đơn và trả cho bị đơn 600.000.000 đồng.
- Bị đơn: Không đồng ý số tiền nguyên đơn trả là 600.000.000 đồng, đề nghị trả lại nguyên đơn máy và nguyên đơn phải trả cho bị đơn 852.375.000 đồng và không lấy lãi nữa.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: sau khi phân tích nội dung vụ án và kháng cáo của các đương sự có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng mua bán là đúng quy định. Kháng cáo của nguyên đơn về vấn đề này là không có căn cứ. Về kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận BĐ thấy: Kháng nghị xác định Tòa án cấp sơ thẩm không xác định yêu cầu của bị đơn là yêu cầu phản tố, không thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn nhưng lại chấp nhận yêu cầu của bị đơn, giải quyết vụ án vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là có căn cứ. Tòa án sơ thẩm cũng không xác minh làm rõ thời điểm bị đơn sử dụng máy làm căn cứ xác định trách nhiệm của các bên là đúng. Về việc tính án phí của Tòa án sơ thẩm có nhầm lẫn, sai sót nhưng không phải là vi phạm nghiêm trọng. Từ những phân tích trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận BĐ .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Xét thấy, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận BĐ đúng thời hạn quy định, đơn kháng cáo của nguyên đơn là Công ty TNHH VT trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

Về xác định quan hệ pháp luật: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng mua bán. Nguyên đơn kháng cáo cho rằng quan hệ tranh chấp trong vụ án này là quan hệ đòi nợ theo các văn bản xác nhận công nợ mà bị đơn đã ký, Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán là không đúng. Thấy rằng, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền xuất phát từ nghĩa vụ thanh toán theo "Hợp đồng mua bán" số 2018 ngày 10/02/2018 mà các bên đã ký kết. Sau khi thực hiện hợp đồng mua bán, các bên chưa có biên bản thanh lý hợp đồng hay biên bản đối chiếu công nợ. Nay xảy ra tranh chấp nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng mua bán là có căn cứ và phù hợp. Kháng cáo của nguyên đơn về vấn đề này là không có căn cứ.

Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Như đã phân tích nêu trên, tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa. Bị đơn là Hộ kinh doanh thẩm mỹ quốc tế B có trụ sở tại: Số 463 KM, quận BĐ , Hà Nội. Căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận BĐ thụ lý và giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Luật áp dụng trong vụ án này là luật doanh nghiệp 2005 (đã được sửa đổi bổ sung và Bộ luật dân sự 2015.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận BĐ về việc kháng nghị cho rằng Tòa án sơ thẩm nhận định yêu cầu của bị đơn không phải là yêu cầu phản tố là không đúng quy định tại điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn nhưng lại chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc trả lại tiền mua máy là vượt quá phạm vi khởi kiện. Về ý kiến này của kháng nghị, thấy: Trong vụ án này, yêu cầu của nguyên đơn là đòi bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và lãi của nợ gốc quá hạn chưa trả còn bị đơn có đề nghị tuyên bố hợp đồng mua bán vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Thấy rằng, yêu cầu này chính là yêu cầu phản tố để bù trừ nghĩa vụ. Về thủ tục, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và đã tuyên hợp đồng vô hiệu thì trước đó phải cho bị đơn nộp tạm ứng đối với yêu cầu đó và đó là yêu cầu phản tố nên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận BĐ về nội dung này là đúng. Tuy nhiên việc đánh giá cụ thể sẽ được Hội đồng xét xử phân tích ở nội dung vụ án ở phần sau.

[2]. Về nội dung:

Xem xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận BĐ và kháng cáo của Công ty VT, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Phần thứ hai của kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận BĐ và kháng cáo của nguyên đơn đều có nội dung: Hợp đồng mua bán giữa hai bên không có nội dung nào thể hiện các bên có thỏa thuận Serial trên tem mác máy và Serial phần mềm điều khiển của máy phải trùng nhau, Tòa án cấp sơ thẩm tự đánh giá máy chụp cắt lớp này không đồng bộ và không đảm bảo chất lượng là không phù hợp với bản chất vụ việc. Xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án này, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 10/02/2018 các bên ký hợp đồng mua bán số 2018 về việc Công ty VT bán cho Thẩm mỹ viện B máy chụp cắt lớp 3 trong 1. Model PHT-65LHS Brand name: Green 16. Xuất xứ: Vatec H- Hàn Quốc. Giá 1.704.750.000 đồng. Ngoài ra hợp đồng còn quy định về phương thức thanh toán, trách nhiệm của hai bên, thời gian và phương thức giao hàng và một số thỏa thuận khác.

Tại các cấp Tòa án, các bên đều xác nhận có ký kết hợp đồng mua bán số 2018 ngày 10/2/2018 với các nội dung nêu trên. Thấy rằng, hợp đồng mua bán này đều do người có thẩm quyền của các bên ký kết, việc ký kết là tự nguyện, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm, hình thức, nội dung phù hợp quy định của pháp luật, như vậy giao dịch này có đủ các điều kiện quy định tại điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 nên hợp đồng mua bán này có hiệu lực pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hợp đồng mua bán vô hiệu là không đúng.

Xét quá trình thực hiện hợp đồng thấy: Theo hai bên xác nhận thì ngày 12/6/2018 Công ty VT đã tiến hành bàn giao và lắp đặt máy chụp cắt lớp cho Thẩm mỹ B . Quá trình giao hàng, lắp đặt máy thì không có biên bản giao nhận và kiểm tra có chữ ký xác nhận của hai bên. Phía Công ty VT mang máy đến lắp đặt theo địa chỉ mà Thẩm mỹ B chỉ định là 436 KM, BĐ , Hà Nội còn phía Thẩm mỹ B cũng có nhân viên tạo điều kiện và chứng kiến việc lắp đặt Công ty VT lắp đặt máy. Thẩm mỹ B đã thanh toán cho Công ty VT 50% giá trị hợp đồng là 852.375.000 đồng, còn lại 852.375.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi lắp đặt máy, để đưa vào sử dụng thì Thẩm mỹ B phải tiến hành thủ tục đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (do máy móc là thiết bị y tế thuộc danh mục phải đăng ký cấp phép hoạt động) nhưng do không có hồ sơ, giấy tờ về hàng hóa (giấy tờ xuất xử hàng hóa và kiểm tra chất lượng) nên Thẩm mỹ B không đăng ký được. Phía Công

ty VT cho rằng Công ty đã giao giấy tờ về hàng hóa cho Thẩm mỹ B nhưng việc giao không được lập bằng văn bản mà thẩm mỹ B không công nhận nên không có căn cứ xác định là Công ty VT đã giao giấy tờ về hàng hóa cho Thẩm mỹ B theo quy định trong hợp đồng mua bán.

Các bên không tranh chấp về số tiền đã thanh toán, số tiền còn lại mà tranh chấp về hàng hóa đã giao dẫn đến việc phải thực hiện nghĩa vụ còn lại theo hợp đồng. Cụ thể: Nguyên đơn cho rằng đã giao hàng hóa đúng chủng loại nên buộc bị đơn phải thanh toán tiền mua hàng còn thiếu và tiền lãi do chậm thanh toán, còn bị đơn cho rằng nguyên đơn đã không giao hàng hóa đúng chủng loại như thỏa thuận nên đề nghị trả lại máy cho nguyên đơn và nguyên đơn phải trả lại tiền mà bị đơn đã thanh toán và bồi thường thiệt hại. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Theo hợp đồng mua bán hàng hóa, các bên đã thống nhất đối tượng mua bán là: máy chụp cắt lớp 3 trong 1. Model PHT-65LHS Brand name: Green 16. Xuất xứ: Vatec H- Hàn Quốc. Giá 1.704.750.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã bàn giao máy chụp cắt lớp cho bị đơn. Tuy nhiên, theo chứng thư giám định của Công ty cổ phần Vinacontrol Hà Nội đã thể hiện: *"Tại thời điểm giám định, kiểm tra thực tế Máy chụp cắt lớp 3 trong 1 nêu trên chúng tôi thấy: Serial Number trên tem mác của máy số: 068-000405, trên phần mềm điều khiển của máy số: 068-000311. Như vậy Serial Number trên tem mác của máy không trùng khớp với phần mềm điều khiển của máy. Vì vậy, chúng tôi không đủ căn cứ để xác nhận xuất xứ của máy và không xác nhận được máy có thuộc bộ hồ sơ nhập khẩu máy do Tòa án nhân dân quận BĐ cung cấp (Air Waybill, Invoice, Packing list, C/O, Tờ khai hải quan)"*.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án sơ thẩm thể hiện: Máy chụp cắt lớp tại Thẩm mỹ viện B có đặc điểm: Model trên thân máy là PHT-65LHS, Model trên đầu máy là DG-07E 22T2

Như vậy, đối chiếu với hợp đồng mua bán các bên đã ký kết thấy: Hợp đồng các bên có thỏa thuận máy có Model PHT-65LHS nhưng thực tế máy giao có đặc điểm khác, cụ thể là: Model trên thân máy là PHT-65LHS, Model trên đầu máy là DG-07E 22T2. Mặt khác, theo chứng thư giám định của Vinacontrol còn thể hiện: Serial Number trên tem mác của máy số: 068-000405, trên phần mềm điều khiển của máy số: 068-000311. Như vậy Serial Number trên tem mác của máy không trùng khớp với phần mềm điều khiển của máy. Do vậy, có căn cứ để khẳng định

đối tượng hàng hóa trong hợp đồng mua bán và hàng hóa (máy chụp cắt lớp) mà Công ty VT giao cho Thẩm mỹ viện B là không đồng nhất.

Mặc dù hợp đồng mua bán các bên không thỏa thuận cụ thể chi tiết về việc số seri trên phần cứng phải khớp với số seri trên phần mềm nhưng theo quy định của Luật Thương mại và Bộ luật dân sự thì bên bán phải có nghĩa vụ giao hàng đúng chủng loại và chất lượng. Đối với ý kiến của nguyên đơn cho rằng việc phần cứng và phần mềm của máy có số serial không trùng khớp (số trên tem mác của thân máy và số seri phần mềm điều khiển không trùng khớp) là đương nhiên vì phần cứng và phần mềm là hai loại khác nhau như máy tính thì phần cứng có thể là hàng Dell còn phần mềm điều hành máy tính là Windows của hàng Microsoft và hợp đồng mua bán các bên cũng không thỏa thuận chi tiết về vấn đề này thì thấy rằng ở đây là hợp đồng mua bán máy mới 100% nên số Serial cũng như số Model buộc phải trùng khớp. Việc bên bán máy là bên soạn thảo hợp đồng mua bán đối với các nội dung không rõ ràng, khi xảy ra tranh chấp đã giải thích theo hướng có lợi cho mình là trái khoản 6 điều 404 Bộ luật tố tụng dân sự nên không được chấp nhận.

Thấy rằng, hợp đồng mua bán đã được các bên tự nguyện ký kết và đúng quy định của pháp luật nên các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng. Về phía nguyên đơn giao hàng không đúng như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên bán, cụ thể là vi phạm nghĩa vụ giao hàng không đúng chủng loại, vi phạm việc giao giấy tờ kèm theo hàng hóa. Vì vậy, theo quy định tại điều 302, 314 luật thương mại thì bên mua (Thẩm mỹ B) có quyền được hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu Công ty VT bồi thường thiệt hại. Đây chính là yêu cầu, nguyện vọng của bị đơn. Việc bị đơn có văn bản gửi nguyên đơn về việc xin giảm giá hay đã sử dụng máy (khi chưa phát hiện máy không đồng bộ) không làm thay đổi bản chất của việc nguyên đơn vi phạm điều kiện cơ bản của hợp đồng trước đó.

Do hợp đồng đã bị hủy bỏ nên không có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết, các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận theo quy định tại điều 314 Luật thương mại (và điều 427 Bộ luật dân sự 2015 cũng quy định như vậy).

Thấy rằng, nguyên đơn đã giao máy và bị đơn đã thanh toán được một phần tiền theo hợp đồng đã thỏa thuận nên xác định nguyên đơn phải trả lại bị đơn số tiền đã nhận là 852.375.000 đồng và bị đơn phải trả lại máy chụp cắt lớp đã nhận của nguyên đơn và được quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị đơn thấy: Bị đơn đề nghị tính lãi đối với số tiền mà nguyên đơn phải trả theo lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm xét xử sơ thẩm, thời điểm tính lãi từ 18/8/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (18/10/2021) (mức lãi suất là 7%/năm). Thấy rằng yêu cầu bồi thường thiệt hại và mức lãi suất áp dụng để tính bồi thường thiệt hại như trên của bị đơn mà Tòa án sơ thẩm chấp nhận là phù hợp quy định tại điều 302 và điều 314 luật thương mại nên có căn cứ chấp nhận số tiền yêu cầu bồi thường là 283.414.688 đồng như cấp sơ thẩm đã xác định.

Thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định hợp đồng mua bán là vô hiệu do lừa dối là không đúng vì bên bán không hề lừa dối bên mua khi giao kết hợp đồng mà chỉ là sau khi ký hợp đồng bên bán giao hàng không đúng nên phải sửa án sơ thẩm về cách tuyên án.

Tòa án cấp phúc thẩm cần phải làm rõ nội dung thứ nhất và thứ hai của kháng nghị (về phản tố) như sau: Nếu hợp đồng mua bán này vô hiệu và bên bị đơn có yêu cầu tuyên bố hợp đồng này vô hiệu thì là yêu cầu phản tố và phải nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố. Tuy nhiên, hợp đồng không bị vô hiệu nên Tòa án cấp sơ thẩm cần lưu ý rút kinh nghiệm trong các vụ án tương tự. Vì vậy không cần thiết hủy án sơ thẩm như Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân quận BĐ đã kháng nghị.

Xem xét nội dung kháng nghị thứ 3 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân quận BĐ với nhận định: Chưa có tài liệu nào của cơ quan chức năng có thẩm quyền đánh giá máy chụp cắt lớp này có đưa vào sử dụng được không, có ảnh hưởng đến sức khỏe con người không. Cần trưng cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền kết luận nội dung này.

Hội đồng xét xử sơ thẩm tự đánh giá về máy đồng bộ không đảm bảo chất lượng là không phù hợp. Tài liệu trong hồ sơ và tại phiên tòa chưa đủ để đánh giá bên bán có được mua bán máy này hay không và bên mua có được phép sử dụng không.

Về nội dung này, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Căn cứ vào đăng ký kinh doanh của bên b án và bên mua, Giấy phép của bên bán nộp tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay thì có căn cứ xác định bên bán được phép mua bán loại máy này. Bên mua được phép mua để phục vụ việc kinh doanh của mình

Hội đồng xét xử sơ thẩm không tự đánh giá việc không đồng bộ của máy mà Tòa án cấp sơ thẩm đã trưng cầu giám định và cơ quan giám định là Vinacontrol đã

có kết luận là đúng thẩm quyền và căn cứ kết luận đó Hội đồng xét xử sơ thẩm đã đưa ra nhận định là có cơ sở pháp lý.

Việc đánh giá máy chụp cắt lớp (có tranh chấp) đủ điều kiện sử dụng hay không sẽ được tiến hành sau khi đã được lắp đặt và đủ giấy tờ xuất xứ (và cũng do Vinacontrol thực hiện theo quy định hiện hành)

Xem xét nội dung thứ tư của kháng nghị về án phí thì thấy rằng do nguyên đơn bị bác toàn bộ yêu cầu nên phải chịu toàn bộ án phí như Tòa án sơ thẩm quyết định là đúng. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm áp dụng khoản 2 điều 26 Nghị định 326 trong trường hợp này là không đúng.

Từ những phân tích trên, thấy cần phải sửa án sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận BĐ , không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là Công ty VT, tuyên bố hủy bỏ hợp đồng mua bán giữa Công ty VT và Thẩm mỹ B , buộc Công ty VT phải hoàn trả số tiền mà Thẩm mỹ Baly đã thanh toán là 852.375.000 đồng và 283.414.688 đồng tiền bồi thường thiệt hại (tổng cộng: 1.135.789.688 đồng), Thẩm mỹ B phải hoàn trả lại máy chụp cắt lớp đã nhận của Công ty VT.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp một phần với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định của pháp luật pháp luật.

Căn cứ khoản 3 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự

Từ những nhận định trên!

Căn cứ: Điều 117, Điều 275 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ: Điều 302, điều 314 Luật thương mại

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận một phần kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 02/11/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận BĐ và Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH VT

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 65/2021/KDTM-ST ngày

18/10/2021 của Tòa án nhân dân quận BĐ và quyết định như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH VT về việc yêu cầu Hộ kinh doanh thẩm mỹ quốc tế B phải thanh toán tiền còn thiếu theo Hợp đồng mua bán số 2018/VVN-04/HĐMB ngày 10/02/2018 giữa Công ty TNHH VT và Hộ kinh doanh thẩm mỹ quốc tế B .

2. Hủy bỏ toàn bộ hợp đồng mua bán số 2018/VVN-04/HĐMB ngày 10/02/2018 giữa Công ty TNHH VT và Hộ kinh doanh thẩm mỹ quốc tế B do Công ty TNHH VT vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng.

3. Buộc Công ty TNHH VT phải trả lại cho Hộ kinh doanh thẩm mỹ quốc tế B số tiền 852.375.000 đồng (Tám trăm năm mươi hai nghìn ba trăm bảy năm đồng) và tiền bồi thường thiệt hại là: 283.414.688 đồng (Hai trăm tám mươi ba triệu bốn trăm mười bốn nghìn sáu trăm tám tám đồng). Tổng cộng là 1.135.789.688 đồng (Một tỷ một trăm ba mươi năm triệu bảy trăm tám chín nghìn sáu trăm tám tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án phải chịu lãi suất của số tiền chưa thanh toán theo khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Buộc Hộ kinh doanh thẩm mỹ quốc tế B phải trả lại cho Công ty TNHH VT: 01 máy chụp cắt lớp 3 trong 1; Model PHT-65 LHS, hiệu Green 16, Xuất xứ: VT – HÀN QUỐC hiện đang đặt tại trụ sở chính của Hộ kinh doanh thẩm mỹ quốc tế B : Tầng 5 - 6 nhà số 463 KM, phường NK , quận BĐ , thành phố Hà Nội.

5. Về án phí:

Công ty TNHH VT phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 46.073.691 đồng (Bốn mươi sáu triệu, không trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi mốt đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.000.000 đồng (Hai mươi mốt triệu đồng) theo biên lai số: 0024874 ngày 20/10/2020 và 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0067531 ngày 11/11/2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự quận BĐ , còn phải nộp số tiền 23.073.691 đồng (Hai mươi ba triệu không trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi mốt đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành ánh, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 25/3/2022

Nơi nhận:
- *Viên kiểm sát ND TP Hà Nội;*
- *Tòa án ND Q. BĐ ;*
- *Chi cục THADS Q. BĐ ;*
- *Đương sự.*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Minh Thành